

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

ODP IV / 36967

Date: 26-5-1989
Ngày: 26-5-1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN THỊ NGHỊ Sex: Nữ
2. Other Names
Họ, tên khác : -
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 20th JULY 1948 Hưng Yên VIETNAM
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 22/1 Khu Phố 1, Phường Hồ Nai 1, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 22/1 Khu Phố 1, Phường Hồ Nai 1, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Thợ May
7. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia
1. NGUYỄN VĂN MƯỜI	6 May 1943	Hưng Yên	M	M	HUSBAND
2. NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN	13 Feb 1970	Hố Nai Biên Hòa	F	S	DAUGHTER
3. NGUYỄN QUỐC TUẤN	01 May 1972	Hố Nai Biên Hòa	M	S	Son
4. NGUYỄN LÊ VŨ	18 Feb 1974	Hố Nai Biên Hòa	M	S	Son
5. NGUYỄN LÊ GIANG	15 JUNE 1976	Hố Nai Biên Hòa	M	S	Son
6. NGUYỄN TRỌNG KHUÔNG	29 Jan 1979	Hố Nai Biên Hòa	M	S	Son
7. NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	24 AUG 1980	Hố Nai Biên Hòa	F	S	DAUGHTER
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-chú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và ảnh. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không, chúng-người vợ con hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

3. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : Không có

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

c. Address
Địa-chỉ :

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ :

Không có

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác.

a. Name
Họ, tên : Không có

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

c. Address
Địa-chỉ :

Không có

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYỄN VĂN CANH DEAD

2. Mother
Mẹ : NGUYỄN THỊ HÒA, WIDOW, 23/1 KP1, P. Hố Nai 1, Biên Hòa Đồng Nai

3. Spouse
Vợ/Chồng : NGUYỄN VĂN MƯỜI, HUSBAND, 22/1 KP1, P. Hố Nai 1, Biên Hòa Đồng Nai

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): Không có

5. Children
Con cái:

(1) NGUYỄN THỊ NGỌC VĂN, DAUGHTER, 22/1 KP1, P. Hố Nai 1, Biên Hòa

(2) NGUYỄN QUỐC TUẤN, Son SAME

(3) NGUYỄN LÊ VŨ Son SAME

(4) NGUYỄN LÊ GIANG Son SAME

(5) NGUYỄN TRỌNG KHƯỜNG Son SAME

(6) NGUYỄN THỊ NGỌC ANH Daughter Same

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) NGUYỄN THỊ CẨM, Sister, KP1, Hố Nai, Biên Hòa

(2)

(3) NGUYỄN QUANG THANH, Brother, Same

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

DISPERSED (UNKNOWN REASON)

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Nếu sự có không? Có ☐ Không ☐.)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:
Ngày, tháng, năm

From
Từ:

To
Tới:

4. Description of Courses:
Mô-tả ngành học:

5. Who paid for training?
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?:

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

n. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

NGUYỄN VĂN MƯỜI

2. Time in Reeducation: From:
Thời gian học-tập Từ:

To:
Tới:

học cải tạo 3 đợt tại địa phương

3. Still in Reeducation? * Yes
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có

No

Không

X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

1. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Nguyễn Thị Nghi, STOCK CONTROL COURSE

CENTRAL TRAINING INSTITUTE OCPD-USARV 96491

(CERTIFICATE OF TRAINING - 8 May 71)

Signature

Ký tên:

algh

Date

Ngày:

26-5-1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có liên quan việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

Employee Name
Tên họ nhân-viên : Nguyễn Thị Nghi

Position title
Chức-vụ : LABORER

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : US 101 ST AIR BORNE DIV BIEN HOA AIR BASE

Length of Employment
Thời-gian làm-việc : From: 1968 To: 1971

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: SSG THOMSON

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : ATTENDED STOCK CONTROL COURSE

Employee Name
Tên họ nhân-viên : NGUYỄN THỊ NGHI

Position title
Chức-vụ : SUPPLY CLERK

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : 624TH BN RED HORSE, LONG BINH BASE

Length of Employment
Thời-gian làm việc : From: 1971 To: 1972

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: LT. HILL

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : RESIGNATION

Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời gian làm việc : From: _____ To: _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Văn Mười

2. Dates:
Ngày, tháng, năm : From: 03 Dec 1963 To: 30 APR 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Master SGT(E8) Serial Number: số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chúng : Biển Hoa SECTOR/S2 RF KBC 4850

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Major Trần Thanh Châu, CO

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 06530266

Họ Tên NGUYỄN-THỊ-NGHI

Ngày, nơi sinh 1948
Gia-cốc, Hưng-Yên.

Cha Nguyễn-Văn-Canh

Mẹ Nguyễn-Thị-Hòa

Địa chỉ Xã Hồ-Nai, Biên-Hòa.



Thẻ căn cước
Nguyễn Thị NGHI
trước 30-4-1975

Handwritten text: "The car was..."

Handwritten text: "HOM int Singapore"

Handwritten text: "2501 - 1 - 08 1970"

Dấu vết riêng:

- Sẹo khuyết cách 1 trên
đau may phải.

Cao: 1 th 51

Nặng: 40 Kg

Chữ ký đương sự:

Handwritten signature: "Đinh"

Độc-Tu, ngày 04.8.1970

TUN. Trưởng-Ty CSQG.

Phó Trưởng-Ty,

BUI-HI EN-DANH.



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN-CLÚC

SỐ 00580266



Tên

NGUYỄN-THỊ-NGHI

Ngày sinh

1948

Giáo-các, Hùng-Yên.

Cha

Nguyễn-Văn-Canh

Nguyễn-Thị-Hòa

Quê

Xã Hồ-Nai, Tiên-Hòa.

Dấu vết riêng:

- Sẹo khuyết cách 1 trên
đau máy phải.

Cao: 1 m 51

Nặng: 40 Kg

Chữ ký đương sự:

Kgh

Đức-Tu, ngày 04.8.1970

TUN. Trưởng-Ty CSQG.
Phó Trưởng-Ty,

BUI-HIEN-DANH.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270385830

Họ tên NGUYỄN THỊ NGHI

Sinh ngày 20-07-1948.

Nguyên quán Hải hưng.

Nơi thường trú 22/1 Khóm 1

Hố nai 1, Biên hòa, Đ. Nai.



SAD V BẢN CHÁNH

Biên Hòa, ngày 3/6/1984

Nguyễn Thị Nghi

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa.

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm C. 4cm
trên sau cánh mũi phải

Ngày 14 tháng 12 năm 1979.

T. B. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG T. Y. CÔNG AN
TRƯỞNG PHÒNG Q. S. X

Phan
Quang Duy Thiet

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270385836

Họ tên NGUYỄN THỊ NGHI

Sinh ngày 20-07-1948.

Nguyên quán Hai hưng.

Nơi thường trú 22/1 Khóm 1
Hố nai 1, Biên hòa, Đ. Nai.



SAN Y DÂN CHÁNH
TP. BIÊN HÒA ngày 31/6/89



Nguyễn Thị Nghi

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa.

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm C.4cm
trên sau cánh mũi phải

Ngày 4 tháng 12 năm 1979.

T. B. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRƯỞNG PHÒNG 0-3-3

Phan
Đường Duy Nhất
AN DŨNG

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270395766

Họ tên NGUYỄN VĂN MƯỜI

Sinh ngày 06-05-1943

Nguyên quán Hải hưng

Nơi thường trú 22/1, Hồ nai 1
Biên hòa, Đồng nai.



SAO Y BẢN CHÁNH
TP. BIÊN HÒA Ngày 3/6/89

Nguyễn Văn Mười

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm 0,1cm trên
sau mấp phải.

Ngày 20 tháng 2 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Handwritten signature]
Giản Đ.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 2706885766

Họ tên NGUYỄN VĂN MƯỜI

Sinh ngày 06-05-1943

Nguyên quán Hải hưng

Nơi thường trú 22/1, Hồ nai 1
Biên hòa, Đồng nai.



SAO Y BẢN CHÁNH
TP. BIÊN HÒA Ngày 3/6/1989

Nguyễn Văn Mười

Dân tộc: Kinh ... Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm C.1cm trên
sau mấp phải.

Ngay 20 tháng 2 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH
Trần Đức

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270871113**

Họ tên **NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN**

Sinh ngày **13-2-1970**

Nguyên quán **Hải Hưng**

Nơi thường trú **22/1, KP1**

Hồ Nai 1, B. Hoa, D. Nai



SÁO Y BẢN CHÁNH
TH. BIÊN HÒA Ngày **3/6/89**

Nguyễn Thị Ngọc Vân

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH



NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo tròn 0,4cmC.1,2
cm dưới sau đuôi mắt
trái



NGÓN TRỎ PHẢI



Tháng 9 năm 1985

CHIEU DẠY HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

[Handwritten signature]

Trần Hè



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270871113**

Họ tên: **NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN**



Sinh ngày: **13-2-1970**

Nguyên quán: **Hải Hưng**

Nơi thường trú: **22/1, KP1**

Hố nai 1, B. hoa, Đ. Nai



SAD Y BẢN CHÁNH
TP. BIÊN HÒA NGÀY 3/6/89

Nguyễn Thị Ngọc Vân



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa		
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
		
		Đeo tròn 0,4 cm C. 1,2 cm dưới sau đuôi mắt trái
		Tháng 9 năm 1985 GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Trần Đức